

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2019/HS-ST

Ngày: 31-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Chí Cường

2. Bà Dương Thị Sáu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thắm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Trên – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức tỉnh Long An tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 75/2019/HSST ngày 27 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/HSST-QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Hoàng K, tên gọi khác: Tuấn Max, sinh năm 1998 tại Vĩnh Long. ĐKTT: Ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng S, sinh năm 1977 và bà Dương Thị D, sinh năm 1979; bản thân chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/6/2019 cho đến nay, có mặt.

- Bị hại:

1. Bùi Văn T, sinh năm 1978 (có mặt)

ĐKTT: Ấp S, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Phạm Thanh V, sinh năm 2000 (vắng mặt – có đơn xét xử vắng mặt)

ĐKTT: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Lương Mỹ L, sinh năm 1978 (vắng mặt)

ĐKTT: Số 46, Đ, phường 4, quận Z, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 04 giờ ngày 18/5/2019 Lê Hoàng K đi bộ vào khu dân cư đường 10 thuộc khu phố 3, thị trấn B mục đích để tìm tài sản người dân sơ hở trộm bán lấy tiền tiêu xài, khi đến công trình đang xây dựng tại khu phố 3, thị trấn B, K phát hiện xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - trắng, biển số 84L1-523.11 của anh Bùi Văn T đang dựng trên vỉa hè, trên xe còn cắm chìa khóa. K quan sát thấy anh T đang ngủ kê bên xe, K lén lút tiếp cận, dẫn xe xuống lề đường, nổ máy chạy về khu Bờ Dừa thuộc khu phố 8, thị trấn B giao xe cho TA (không rõ họ tên và địa chỉ) để bán dùm. Sau khi nhận xe mô tô biển số 84L1-523.11, TA điều khiển xe đi mất. Đến khoảng 23 giờ 30 phút ngày 29/5/2019, Lê Hoàng K tiếp tục vào khu dân cư đường 10 thuộc khu phố 3, thị trấn B tìm tài sản người dân sơ hở trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khi K đi bộ đến lán trại của công trình đang xây dựng tại đường Ng, khu phố 3, thị trấn B, K phát hiện xe mô tô hiệu GUIDA, màu đỏ, biển số 67N3-6725 của anh Phạm Thanh V đang dựng trong lán trại công trình, trên xe còn cắm chìa khóa. K quan sát thấy anh V đang ngủ kê bên xe, K lén lút tiếp cận, dẫn xe xuống lề đường, nổ máy chạy ra Quốc lộ 1A, đi về ngã ba Gò Đen tìm người bán xe nhưng không tìm được. K điều khiển xe vừa trộm được về tiệm game bắn cá N tại đường Bờ Dừa, khu phố 8, thị trấn B để chơi game. Đến sáng ngày 30/5/2019, K cho Lương Mỹ L mượn xe mô tô biển số 67N3-6725 để đi mua đồ ăn. L điều khiển xe mô tô biển số 67N3-6725 đến ngã tư Bình Nhứt thuộc xã Thạnh Đức thì bị anh V phát hiện, anh V hỏi nguồn gốc xe trên thì biết được K cho L mượn xe, anh V cùng L trở lại tiệm game bắn cá N để tìm K. Tại đây, K thừa nhận toàn bộ hành vi trộm xe của mình, anh V đưa K đến Công an thị trấn B trình báo toàn bộ sự việc.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 32/KL-HĐĐG ngày 31/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Bến Lức, tiến hành định giá và kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu GUIDA, màu đỏ, biển số 67N3 – 6725 trị giá 2.840.000đ; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - trắng, biển số 84L1 – 523.11 trị giá 24.300.000đ. Tổng trị giá tài sản 27.140.000đ.

Tại cáo trạng số 83/CT-VKSBL ngày 27-8-2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Lê Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Hoàng K hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội bị cáo thực hiện đúng như nội dung cáo trạng đã nêu, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức truy tố bị cáo Lê Hoàng K về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng K phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lê Hoàng K từ 01(một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Do hoàn cảnh gia đình bị cáo gặp khó khăn nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Đối với hành vi mượn xe mô tô biển số 67N3-6725 của Lương Mỹ L do L không biết xe trên do Lê Hoàng K phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của TA (không rõ họ tên, địa chỉ), sau khi nhận xe mô tô biển số 84L1-523.11 của bị cáo nhờ bán dùm, TA điều khiển xe đi mất, hiện CQĐT tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự: Sau sự việc xảy ra, bị hại anh Phạm Thanh V đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến. Riêng bị hại anh Bùi Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tương đương với trị giá xe mô tô biển số 84L1-523.11 là 24.300.000đ. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường lại cho anh T số tiền trên nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu GUIDA, màu đỏ, biển số 67N3 – 6725 thuộc sở hữu của anh Phạm Thanh V, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức đã trả lại cho anh V là phù hợp. Riêng xe mô tô biển số 84L1 – 523.11 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không thu hồi được.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu, bị cáo xác định cáo trạng truy tố bị cáo là không oan sai, bị cáo không tranh luận, chỉ xin Hội đồng xét xử khoan hồng cho bị cáo. Bị hại không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bến Lức, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản định giá tài sản, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường và các chứng cứ khác mà cơ quan điều tra đã thu thập được thẩm tra tại phiên tòa nên trong khoảng thời gian từ ngày 18/5/2019 đến ngày 29/5/2019, Lê Hoàng K đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Bến Lức với tổng giá trị tài sản là 27.140.000đ, cụ thể như sau: Vụ thứ nhất vào ngày 18/5/2019 K đi bộ đến công trình đang xây dựng tại khu phố 3, thị trấn B lén lút lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu đỏ - trắng, biển số 84L1-523.11 của anh Bùi Văn T trị giá 24.300.000đ và vụ thứ hai vào ngày 29/5/2019 K đi bộ đến lán trại công trình đang xây dựng tại đường Ng, khu phố 3, thị trấn B lén lút lấy trộm 01 xe mô tô hiệu GUIDA, màu đỏ, biển số 67N3-6725 của anh Phạm Thanh V trị giá 2.840.000đ. Như vậy đã đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Cáo trạng Viện kiểm sát huyện Bến Lức truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật, không oan.

Hành vi trái pháp luật của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu bị cáo đã lén lút lấy trộm tài sản để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự địa phương. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, hậu quả của vụ án cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội hai lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn, do đó cần cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do bị cáo phạm tội hai lần thuộc tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên xét không áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định, xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo điều kiện kinh tế còn khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với hành vi mượn xe mô tô biển số 67N3-6725 của Lương Mỹ L do L không biết xe trên do Lê Hoàng K phạm tội mà có, nên Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi của TA (không rõ họ tên, địa chỉ), sau khi nhận xe mô tô biển số 84L1-523.11 của bị cáo nhờ bán dùm, TA điều khiển xe đi mất, hiện CQĐT tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau là phù hợp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Sau sự việc xảy ra, bị hại anh Phạm Thanh V đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xét đến. Riêng bị hại anh Bùi Văn T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền tương đương với trị giá xe mô tô biển số 84L1-523.11 là 24.300.000đ. Tại phiên tòa bị cáo tự nguyện bồi thường lại cho anh T số tiền trên nên áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015 công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Lê Hoàng K và anh Bùi Văn T. Bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh T 24.300.000đ đồng.

[6] Về vật chứng: 01 xe mô tô nhãn hiệu GUIDA, màu đỏ, biển số 67N3 – 6725 thuộc sở hữu của anh Phạm Thanh V, hiện Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức đã trả lại cho anh V là phù hợp. Riêng xe mô tô biển số 84L1 – 523.11 Cơ quan CSĐT Công an huyện Bến Lức không thu hồi được.

[7] Về án phí: Bị cáo Lê Hoàng K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng K phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt:

Bị cáo Lê Hoàng K 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời gian tù tính từ ngày 06-6-2019.

2. Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Hoàng K trong thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày 31-10-2019 để đảm bảo kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

3. Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Buộc bị cáo Lê Hoàng K có trách nhiệm bồi thường cho anh Bùi Văn T số tiền 24.300.000đ (Hai mươi bốn triệu ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Lê Hoàng K phải chịu 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo Lê Hoàng K phải chịu 1.215.000 đồng (Một triệu hai trăm mười lăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Án xử sơ thẩm công khai, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Long An;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện Bến Lức;
- Nhà tạm giữ Công an huyện Bến Lức;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Thanh Thúy